



Căn cứ vào văn bia trên tháp dựng thời Tự Đức năm 1853, có thể xác định được chùa Linh Quang Quang (hay còn gọi là chùa Kiều Hạ) xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, Hải Phòng thuộc phái Lâm Tế.

Trụ trì chùa Linh Quang

Tap chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 3/2025

1. Vài nét về chùa Linh Quang

Chùa Linh Quang được xây dựng muộn nhất cũng vào thời nhà Mạc, thế kỷ XVI. Văn bia dựng năm niên hiệu Chính Hòa thứ 21 (1700), ghi việc trùng tu “chùa Linh Quang là nơi cổ tích danh lam có từ rất lâu đời”. Chùa được sư trụ trì chùa là vị tăng Phạm Minh Lượng tên chữ là Huyền Văn, người xã An Hựu (nay là thôn An Hựu, huyện Tiên Minh, phủ Nam Sách). Lần đại trùng tu các công trình này được ghi rõ trong văn bia như: tòa thượng điện, lò thiêu hương, tu lí lại tượng, làm gác chuông, đúc hồng chung (chuông lớn) và làm một số pho tượng mới, lập thiên đài, xây dựng tường bao xung quanh. Khi hoàn thành chùa trở nên quy mô, tráng lệ nguy nga. Ngoài tư liệu văn bia, bia mộ tháp ra thì chùa còn giữ được quả chuông thời Gia Long [] , [], [] An Dương huyện Điều Yêu Hạ xã Quan viên thượng hạ đẳng tạo chú hồng chung nhất quả, Gia Long thập bát niên tuế thứ Kỷ Mão tam nguyệt nhị thập bát nhật.

, , , , , , , , , , , , , ,
 , , , , , , .

□ □ □ □ □ , □ □ , □ □ , □ □ , □ □ , □ □ .

 , , , , .

2. Nguyên văn chữ Hán bia tháp

[illegible]

□□□□ , □□□□

□□□□ ,□□□□

□□□□ , □□□□

□□□□ , □□□□

□□□□ , □□□□

□□□□ , □□□□

□□□□□□□□□□ , □□ , □□ , □□ ,□□ , □□ , □□ ,□□ , □□ , □□ , □□□□ ,
□□ , □□ , □□□□, □□□□, □□ , □□ , □□ , □□ , □□ , □□ , □□ , □□ , □□ , □□ , □□ ,
□□ , □□ , □□ , □□ , □□□□, □□ , □□□□, □□□□, □□□□, □□□□, □□ , □□ , □□ ,
□□□□□□□□□□ .

□□□□□□□□□□□□□□

Phiên âm:

Cái văn: nhân chi tam sự, sự kì nhất dã, đại tai. Sự hồ, khai mao tái chi tâm lưu, thị lam tư chi tính địa, phát kì trí tuệ nhi siêu xuất luân hồi giả, thực do sự giáo chiếu phủ ma chi lực dã. Cố tồn tắc nhan đăng xu tồn, vong tắc thủy chung phụng sự. Tuy thời thù thế sự nhiên, đạo tại tâm tồn, cẳng thiên cổ bất khả vong dã. Kim bản sư pháp hựu Hải Khoan, tự Tịnh Đức, thị Hải Dương Kinh Môn Thủy Đường Phục Lễ Trần gia tử dã.

Niên phương thiếu tuế, đầu nhập hạnh đàn, độc sử tri thế du bàng long, giảng Dịch thức âm dương thăng giáng, chúc tri tiên đạo vị xuất luân hồi, toại đẳng thượng phương nhi tu xuất thế chi đạo, vi phỉ vu Quỳnh Lâm tuệ thất Vô Sinh Tính Tịnh luật sư, đánh thu tam đàn giới cụ, học thông tứ trí viên minh, đề thủy hựu chi tây truyền, tu Đa La chi đông dịch, mộ khẩu triệu tham, bất sở niên toại đẳng trí tuệ, tự niệm chư Phật xuất thế, cái nhi nhân duyên, lịch đại tổ sư bản hoài từ tế, khả phi kiêm thiện, hà dĩ lợi nhân? Kỉ niên Phạn Vồng thi trường, tiếp tịnh chúng xu quy vi bảo sở, sở tải kim ngôn tán tụng, sử thiện nhân mộ hướng ư từ môn, phúc bất Đường Bá, công vô lậu quyết, cập chí tuế cao lập trường, niên ngoại thất tuần, minh du thích lạc ư đoàn thiên, ảo ảnh quyết hữu [] địa. Nãi tọa hóa vu Quý Sửu lục nguyệt tam nhật chi can thìn dã. Đạo tràng chúng đẳng y thiên điển nhi trà tì, toại châu Xá lý kiến tháp ư Linh Quang, đệ tử thỉnh vi nhất kí, cai lạc vu thạch, sử hậu truy bạch hữu tình tri bản sư xuất thế như tư, nhi báo bản như tư, bất thí cổ giả chi canh tường, nhiên kính tại sự tồn, chiêu chiêu hồ tam sự tại thế, đẳng khung nhượng nhi phát thế dã, kì vi minh viết:

Hoàng hoàng nhật xuất, Chiếu diệu đông dương Đường giang hoàng đạo, Phục Lễ danh hương Xuất gia hoàng đạo, phổ phẩm từ hàng Chân dương cộng lợi, phúc tuệ song chương Trần duyên hóa mẫn, tịnh độ siêu phương Chúng đẳng ngưỡng vọng, tể cổ doanh tường Truyền chi bất hủ, địa cử thiên trường Thiệu pháp nhũ thừa sư phó chúc tự Tịch Liên, Tịch Cẩm, Tịch Nhẫn, Tịch Điển, Tịch Từ, Tịch Luật, Tịch Tính, Tịch Mẫn, Tịch Kỳ, Tịch Lưu, Pháp Tôn Chiếu Lí, Chiếu Túc, Chiếu Từ, Chiếu [], Chiếu [], Chiếu Châu, Chiếu Dụng, Chiếu Tế, Chiếu Phổ, Chiếu Khuê, Chiếu Dương, Chiếu Cử, Chiếu Đào, Chiếu Duệ, Chiếu Tuyên, Chiếu Nghị, Chiếu Uyên, Chiếu Quy, Chiếu Nghĩa, Chiếu Tuệ, Chiếu Chư, Chiếu Dương, Chiếu Chuyên, Chiếu [3], Chiếu [4], Chiếu [5], Chiếu [], Chiếu Soạn, Diệu Thức, Diệu Nhất, phổ cập sơn môn chư tôn đẳng.

Tự Đức lục niên tuế tại Quý Sửu thập nhị nguyệt trọng đông cốc nhật



Dịch nghĩa:

Từng nghe: Trong ba việc phụng sự của con người, phụng sự Thầy là một trong ba việc đó, lớn lao thay việc phụng thờ Thầy! Thầy là người có lòng khai mở trí thức(6), răn dạy, còn lưu lại chân tính và lời dặn dò nỗ lực học tập, đất phát trí tuệ mà nhiều lần vượt qua luân hồi, thực là do công sức của Thầy dạy dỗ động

viên vậy. Cho nên lúc Thầy còn sống thì còn nhanh chạy đến, lúc Thầy mất thì phụng thờ trọn đời. Tuy rằng việc đời thời có khác nhau, nhưng đạo thì còn giữ ở trong lòng, suốt từ ngàn năm không thể quên được. Nay bản sư pháp hỷ là Hải Khoan, tự Tịnh Đức, là con trai của nhà họ Trần ở Phúc Lễ Thủy Đường Kinh Môn Hải Dương.

Lúc Thầy tuổi còn nhỏ, được vào học ở trường, đọc sử mà biết được thời thế càng hưng thịnh, bàn xét kinh Dịch mà biết sự lên xuống của âm dương, hiểu rõ đạo tiên mà chưa xuất luân hồi, bèn lên chùa mà xuất thế tu đạo, khoác áo đến đánh lễ nhận thụ giới tam đàn cụ túc với luật sư Vô Sinh Tính Tĩnh ở tuệ thất Quỳnh Lâm(7), ngài học thông cả tứ trí (gồm Đại Viên Cảnh Trí (大圓景智), Bình Đăng Tánh Trí (平登性智), Diệu Quan Sát Trí (妙觀察智) và Thành Sở Tác Trí (成所作智)). Vất vả học [triết lý] truyền đến từ phương

Tây [Ấn Độ]; tu học kinh sách dịch từ phương Đông. Sớm chiều tu tập, chưa đến vài năm mà trí tuệ khai sáng, từ niệm chư Phật xuất thế, đó đại khái là nhân duyên, lịch đại Tổ sư vốn có lòng từ bi cứu độ, có thể không kiêm việc thiện, sao có thể làm lợi cho người, mấy năm thi hành kinh Phạm Võng, dẫn tiếp mọi người trở về ngôi Tam Bảo, mấy năm lời vàng tán tụng, khiến cho người thiện xin hướng về cõi thiên môn, phúc không sánh được cùng với Đường Bá (Đường Bá Hồ), công lao không bị để sót, cho đến lúc tuổi hạ đã cao, tuổi ngoài 70 mà âm thầm ngao du đến cõi trời tây, cảnh tượng như có như không, bèn tọa mà hóa ngày 3 tháng 6 năm Quý Sửu (1853)

Các đệ tử trong đạo tràng dựa theo điển lệ thiên môn mà làm lễ Trà Tì (hóa thiêu) bèn thu xá lợi xây tháp ở chùa Linh Quang, đệ tử mời [tôi làm một bài kí] khắc vào bia đá, khiến cho đời sau tỏ rõ người thầy xuất thế như thế, mà báo đáp gốc gác như thế, chẳng những truy niệm người xưa mà ngưỡng vọng tôn kính những việc trong cuộc sống của thầy, rõ ràng thay ba việc ở đời, sánh với trời cao mà không thể bỏ. Bèn làm bài minh rằng:

Mặt trời lên rực rỡ, Chiếu khắp xứ Đông Dương(8)

Sông Đường đẹp đẽ, Có làng Phúc Lễ(9)

Xuất gia hoàng đạo, Thuyền từ phổ khắp

Âm dương cùng lợi, Phúc tuệ cùng sáng

Duyên trần hóa đủ, Siêu sinh tịnh độ

Mọi người trông ngóng, Nhà cửa của

Thầy Truyền lại không hỏng, Tồn tại vĩnh hằng

Thầy nối truyền Phật pháp dẫn dò lại cho Tịch Liên, Tịch Cẩm, Tịch Nhẫn, Tịch Điển, Tịch Từ, Tịch Luật, Tịch Tính, Tịch Mẫn, Tịch Kỳ, Tịch Lưu, hàng cháu Chiếu Lí, Chiếu Túc, Chiếu Từ, Chiếu [], Chiếu [], Chiếu Châu, Chiếu Dụng, Chiếu Tế, Chiếu Phổ, Chiếu Khuê, Chiếu Dương, Chiếu Cử, Chiếu Đào, Chiếu Duệ, Chiếu Tuyên, Chiếu Nghị, Chiếu Uyên, Chiếu Quy, Chiếu Nghĩa, Chiếu Tuệ, Chiếu Chư, Chiếu Dương, Chiếu Chuyên, Chiếu [10], Chiếu [11], Chiếu [12], Chiếu [], Chiếu Soạn, Diệu Thức, Diệu Nhất cho đến chư tôn trong sơn môn.

Ngày tốt tháng giữa đông năm Quý Sửu niên hiệu Tự Đức thứ 6 (1853).

Như vậy, căn cứ vào văn bia trên tháp dựng thời Tự Đức năm 1853, có thể xác định được chùa Linh Quang Quang (hay còn gọi là chùa Kiều Hạ) xã Quốc Tuấn, huyện An Dương, Hải Phòng thuộc phái Lâm Tế. Tổ Hải Khoan được thụ giới cụ túc với Thiền sư Tính Tĩnh (1692 - 1773), (Đời pháp thứ 38, tông Lâm Tế).

Theo kệ truyền đăng của dòng Lâm Tế. Kể từ khi sư Hải Khoan về trụ trì chùa và trùng tu đến thời Tự Đức thì các đời trụ trì của chùa đã từ chữ 海, chữ 寂, chữ 照. Hai bia bài vị trên tháp mộ cũng chỉ rõ việc này.

Tác giả: **Thích Thanh Nguyên**

Trụ trì chùa Linh Quang

Tạp chí Nghiên cứu Phật học Số tháng 3/2025

Chú thích:

(1) Hạnh đàn là nơi mà Khổng Tử nhận học trò để giảng dạy. ở đây chỉ ngài đã được vào trường học.

(2) 四 : Thời xưa, Âm Dương và Ngũ hành chỉ phương Đông và phương Bắc. 3. Thiên đường; 4. Phòng trong nơi trụ trì ở. Cũng

đề cập đến chùa Phật giáo.

(3) Các chỗ này trên văn bia để trống chưa khắc tên

(4) Các chỗ này trên văn bia để trống chưa khắc tên

(5) Các chỗ này trên văn bia để trống chưa khắc tên

(6) Mao tái: nghĩa là nhà cổ tường đất, sau chỉ tri thức chưa được khai mở, suy nghĩ chưa thông.

(7) Sư họ Trần, sanh năm 1692, quê ở Đông Khê, thọ giáo với Hòa thượng Như Hiện nơi chùa Nguyệt Quang. Sư thâm đạt yếu chỉ, ngộ được Tâm tông. Sau, Sư kế thừa trụ trì ở chùa Nguyệt Quang, giáo hóa thạnh hành làm rạng rỡ cho tông môn Lâm Tế. Sư chỉ chuyên tịnh nhất tâm, mà đã xây dựng lại được các ngôi cổ tự, nào Long Động, Phước Quang, Quỳnh Lâm. Sư đã từng làm Hòa thượng cho tám, chín đàn truyền giới. Đệ tử lớn của Sư có đến hai mươi vị Đại đức Trụ trì. Sư hằng giữ luật để bỏ trần về giác, chuyên trì kinh Lăng Nghiêm để thấy tánh sáng tâm.

Đến cuối mùa xuân năm Quý Tỵ (1773), Sư từ giã chúng thị tịch, thọ tám mươi hai tuổi.

(8) Chỉ xứ Đông, Hải Dương

(9) Làng Phục Lễ nay thuộc xã Vĩnh Hồng (Bình Giang) Hải Dương

(10) Các chỗ này trên văn bia để trống chưa khắc tên

(11) Các chỗ này trên văn bia để trống chưa khắc tên

(12) Các chỗ này trên văn bia để trống chưa khắc tên